ĐƯỜNG LỐI KHÔNG LIÊN KẾT CỦA ẤN ĐỘ: NHẬN THỨC TỪ HIỆP ƯỚC HÒA BÌNH, HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC ẤN ĐỘ - LIÊN XÔ NĂM 1971

LÊ THẾ CƯỜNG*

Quan hệ Ấn Độ - Liên Xô là một trong những mối quan hệ đặc biệt trong Chiến tranh lạnh. Đây là quan hệ giữa hai nước lớn khác nhau về ý thức hệ, thể chế chính trị nhưng lại gắn bó chặt chẽ với nhau bằng Hiệp ước Hoà bình, Hữu nghị và hợp tác - một loại hình hiệp ước về quan hệ đặc biệt của Liên Xô với các nước đồng minh trong Chiến tranh lạnh. Mặt khác, Ấn Độ là quốc gia luôn giương cao ngọn cờ không liên kết, nhưng lại hợp tác chặt chẽ với Liên Xô trên nhiều phương diện, trong đó có cả hợp tác về chính trị và quân sự. Trong bài nghiên cứu "*Ấn Độ có phải là một cường quốc không?*", học giả H. Harpur viết: "*Chắc chắn là việc ký một hiệp ước như vậy - hiệp ước đầu tiên từ khi đất nước được độc lập... đã xác định thế liên kết Ấn - Xô... Xét về việc Ấn Độ quyết định ký kết một liên minh như thế là vi phạm nguyên tắc của J.Nehru nên hiệp ước đó đã là khởi điểm khiến cần phải xét lại phương hướng của Ấn Độ trong hệ thống an ninh châu Á*" (1). Nhận xét về mối quan hệ này, nhiều ý kiến cho rằng với Hiệp ước 1971, Ấn Độ đã rời xa đường lối không liên kết. Đây là vấn đề phức tạp bởi nó là sự đánh giá toàn diện về đường lối đối ngoại của Ấn Độ trong Chiến tranh lạnh.

Trước hết, phải nhìn nhận rõ nội hàm khái niệm không liên kết trong đường lối đối ngoại của Ấn Độ. Phần lớn các học giả phương Tây nhìn nhận về đường lối không liên kết của Ấn Độ ngay từ khi mới ra đời là chủ nghĩa trung lập, hoặc là mang tính chất trung lập, trung lập tích cực, trung lập lạc điệu (2). Xem xét toàn bộ đường lối đối ngoại của Ấn Độ trong chiến tranh lạnh và qua các phát biểu của J.Nehru, I.Gandhi, có thể thấy *đặc trưng của chính sách không liên kết* ở Ấn Độ là: chống Chiến tranh lạnh, bảo đảm rời xa các khối quyền lực chống đối nhau, chống lại liên minh quân sự trong bối cảnh xung đột giữa các nước lớn; không phải là một chính sách ngoại giao trung lập thụ động hoặc địa vị trung lập, trung lập tích cực; là một chính sách hành động thực tế, ủng hộ đường lối đối ngoại độc lập, chung sống hoà bình và không can thiệp. *Cơ sở ra đời chính sách không liên kết* ở Ấn Độ xuất phát từ sự xuất hiện trật tự hai cực và Chiến tranh lạnh, sự hình thành các liên minh quân sự song phương và đa phương làm xuất hiện nguy cơ chiến tranh thế giới mới; mâu thuẫn sâu sắc với chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân nhưng không muốn đi theo chủ nghĩa cộng sản. Vị trí nước lớn và những

* ThS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh

đặc trưng về lịch sử, văn hóa cho phép Ấn Độ thực hiện chính sách không liên kết một cách tích cực. Do vậy, *mục tiêu của không liên kết* là chống chiến tranh lạnh, chống lại các liên minh quân sự đa phương trong bối cảnh xung đột giữa các nước lớn; chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, chống chiến tranh; khẳng định chủ nghĩa dân tộc, lợi ích quốc gia, sự cần thiết phải phát triển kinh tế; yêu chuộng hoà bình, khẳng định vai trò tích cực của Ấn Độ trong nền chính trị thế giới. Đây cũng là mục tiêu chính trị xuyên suốt của Đảng Quốc đại (3). Không liên kết được Nehru khẳng định là "*không gia nhập liên minh quân sự với khối này để chống lại khối kia, có thể gây nên chiến tranh thế giới thứ ba, Ấn Độ cố gắng thiết lập quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, đặc biệt là các nước châu Á. Một nước Ấn Độ độc lập sẽ xây dựng quan hệ hữu nghị với Anh, với các nước thuộc khối Liên hiệp Anh, cũng như với Mỹ, Liên Xô...*" (4). Những luận điểm trên hình thành qua một quá trình lâu dài trong lịch sử - văn hóa Ấn Độ, khái quát hoá thành Năm nguyên tắc chung sống hòa bình, Mười nguyên tắc Băng Đung, Năm điều kiện tham gia Phong trào Không Liên kết. Thực chất, chính sách không liên kết là con đẻ của Chiến tranh lạnh với nội hàm căn bản nhất là không liên minh quân sự song phương hoặc đa phương trong xung đột nước lớn.

Thiết lập quan hệ từ tháng 3-1947, quan hệ Ấn Độ - Liên Xô đã trải qua nhiều bước thăng trầm nhằm nhận thức vị thế lẫn nhau trên trường quốc tế. Cuộc chiến tranh biên giới Xô - Trung 1969 và sự xích lại gần nhau trong quan hệ Trung - Mỹ đã đe dọa đến vị thế của Liên Xô. Trong khi đó, quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa Trung Quốc - Mỹ - Pakistan cũng đặt ra cho Ấn Độ những thách thức không nhỏ. Những xung đột leo thang ở Đông Pakistan đẩy quan hệ Ấn Độ - Pakistan đứng trước một cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi, đe dọa vị thế của Ấn Độ ở tiểu lục địa. Trong bối cảnh đó, sau quá trình vận động kéo dài từ năm 1969, ngày 8-8-1947, Ấn Độ và Liên Xô đã ký Hiệp định Hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Hiệp ước gồm có 12 điều, có giá trị 20 năm đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ hai nước, từ giai đoạn tìm tòi, nhận thức lẫn nhau sang giai đoạn hợp tác chiến lược toàn diện, tin cậy trên cơ sở hòa bình và hữu nghị. Ngoài các điều khoản về hợp tác kinh tế, văn hóa, "*hòn đá tảng*" của hiệp định là các điều khoản về an ninh quân sự - những nội dung làm dấy lên những nghi ngờ về sự tan vỡ của chính sách không liên kết. Điều 8 của Hiệp ước ghi rõ: "*Trong sự phù hợp với tình hữu nghị truyền thống được thiết lập giữa hai quốc gia, mỗi bên tham gia hiệp ước long trọng tuyên bố sẽ không tiến hành hoặc tham gia trong liên minh quân sự nhằm chống lại bên kia. Hai bên tham gia hiệp ước cam kết không xâm lược bên kia và không cho phép sử dụng lãnh thổ của mình gây bất lợi cho bên kia trong xung đột quân sự giữa mỗi bên tham gia hiệp ước với bên ngoài*" (5). Điều 9 khẳng định: "*Mỗi bên ký hiệp ước cam kết từ chối bất kỳ sự trợ giúp nào cho bên thứ ba trong xung đột vũ trang với các bên kia. Trong trường hợp một trong hai bên tham gia hiệp ước bị tấn công hoặc bị đe dọa tấn công, hai bên tham gia hiệp ước sẽ ngay lập tức tiến hành các cuộc trao đổi ý kiến lẫn nhau để loại trừ mối đe dọa đó và tiến hành những biện pháp có hiệu lực thích đáng nhằm đảm bảo hòa bình và an ninh của hai nước*" (6). Từ các điều khoản trên cho thấy, đây là một hiệp ước có ý nghĩa phòng thủ tương hỗ, không mang tính tấn công, liên minh quân sự trong xung đột giữa các nước lớn, mà chủ yếu là ủng hộ lẫn

nhau nhằm đảm bảo an ninh quốc phòng. Điều 4 của Hiệp ước còn khẳng định: "*Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết cam kết tôn trọng chính sách không liên kết của Ấn Độ và xác nhận một lần nữa rằng chính sách này là nhân tố quan trọng trong việc duy trì hòa bình thế giới và an ninh quốc tế và trong việc làm dịu tình hình căng thẳng của thế giới*" (7). Qua đó có thể thấy, *về lý thuyết*, Hiệp ước Hoà bình, Hữu nghị và hợp tác Liên Xô - Ấn Độ ký ngày 9-8-1971 phù hợp với đường lối đối ngoại của Ấn Độ, không vi phạm nguyên tắc của không liên kết. Trong Hồi ký "Chân lý của tôi", I.Gandhi nhấn mạnh:

"*Một số người cho rằng với hiệp ước đó, Ấn Độ từ bỏ chính sách đối ngoại truyền thống của mình. Điều ấy không đúng. Hồi đó, Pakistan khoe rằng họ được cả thế giới ủng hộ còn ở Ấn Độ tinh thần sa sút khá nặng. Trong cuộc xung đột ấy, Liên Xô đứng về phía chúng tôi nhưng trong hiệp ước không có một điều khoản nào thay thế chính sách không liên kết của chúng tôi. Trên thực tế, hiệp ước còn ghi rõ rằng Ấn Độ đang và sẽ là một nước không liên kết. Mặt khác, quan hệ hữu nghị giữa chúng tôi với Liên Xô sẽ không gây cản trở quan hệ chúng tôi với các nước khác*" (8).

Trên thực tế, ảnh hưởng của Hiệp ước Ấn Độ - Liên Xô 1971 đã tác động lớn đến cục diện của Chiến tranh lạnh. Hiệp ước 1971 đã hình thành nên quan hệ hợp tác chiến lược mật thiết Ấn Độ - Liên Xô, tạo nên thế cân bằng chiến lược với liên minh Mỹ - Trung Quốc và Pakistan trên bàn cờ địa chính trị châu Á. Nó cũng là nhân tố thúc đẩy quan hệ Mỹ - Trung tiến xa hơn sau chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Mỹ R.Nixon tháng 2-1972. Sau khi hiệp định được ký kết, Ấn Độ có được sự hậu thuẫn cần thiết để giành thắng lợi quan trọng trong cuộc chiến tranh ở Đông Pakistan năm 1972, sáp nhập Sikkim vào Ấn Độ năm 1974, chống lại các luận điệu thù địch khi I.Gandhi ban bố tình trạng khẩn cấp năm 1975... Hiệp ước 1971 là một bước lùi thực tế của chính sách không liên kết, nhưng là bước lùi cần thiết nhằm khẳng định lợi ích dân tộc của Ấn Độ trong bối cảnh mới. Hai nước đã có lập trường chung trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng như giải quyết chiến tranh Việt Nam (1973), vấn đề Cămpuchia (1979-1989), sự ủng hộ lẫn nhau sau Tuyên bố Delhi về một thế giới không có vũ khí hạt nhân (1986)... Mặc dù vậy, để giữ được vị trí của mình ở phong trào không liên kết và đảm bảo không trở thành đối thủ trực tiếp từ phía Mỹ, các nước châu Âu, Ấn Độ không thể bước xa hơn. Nhìn nhận quan hệ Ấn Độ - Liên Xô có phủ định chính sách không liên kết hay không chủ yếu xem xét chính sách của Ấn Độ đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến hai nước mang tính chất Chiến tranh lạnh như: Chiến tranh Ấn Độ - Pakistan năm 1971, sáng kiến an ninh tập thể châu Á của Liên Xô, Liên Xô đưa quân vào Afghanistan... trong sự đối sánh với các vấn đề trước năm 1971 như Liên Xô đưa quân vào Hunggari (1956), Tiệp Khắc (1968).

Ngày 3-12-1971, Ấn Độ đưa quân vào Đông Pakistan với danh nghĩa là ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Đông Pakistan chống lại bạo lực quân sự của Tây Pakistan, ngăn chặn dòng người tỵ nạn đổ xô vào Ấn Độ và đảm bảo an ninh cho nước này. Tuy nhiên, sự hình thành liên minh Pakistan - Trung Quốc - Mỹ và sự hậu thuẫn của Liên Xô cho Ấn Độ đã làm cho cuộc xung đột khu vực này mang tính chất của Chiến tranh lạnh. Hiệp ước Liên Xô - Ấn Độ được ký kết vào ngày 9-8-

1971 trong bối cảnh mâu thuẫn Ấn Độ - Pakistan đang lên cao có tác dụng răn đe thực tế đối với Pakistan và các lực lượng hậu thuẫn nước này. Những động thái của Liên Xô như tuyên bố ủng hộ, tăng cường viện trợ quân sự trước và sau chiến tranh cho Ấn Độ, gây sức ép với Pakistan, điều lực lượng hải quân đến vịnh Bengal khi Mỹ đưa Hạm đội 7 vào khu vực này... dù nằm trong khuôn khổ của điều 9 Hiệp ước 1971, nhưng có ảnh hưởng như là liên minh quân sự thực tế chống lại một liên minh khác. Đây là một trong những lý do để phương Tây và các lực lượng đối lập trong nước nghi ngờ đường lối không liên kết của Ấn Độ. Hiệp ước 1971 và các hành động của Liên Xô trong bối cảnh đó về lý thuyết không vi phạm đường lối không liên kết nhưng thực tế tầm ảnh hưởng nó đã vượt ra khỏi khuôn khổ của đường lối này.

Sự kiện Liên Xô đưa quân vào Afghanistan từ 1979 đến 1989 là thử thách khó khăn đối với Ấn Độ trong việc vừa giữ vững đường lối không liên kết và vừa duy trì quan hệ hữu nghị với Liên Xô. Ngày 26-12-1979, Liên Xô đưa quân vào Afghanistan, Chính phủ lâm thời Ấn Độ C.Singh lập tức tuyên bố phản đối bất cứ sự can thiệp nào từ nước ngoài tới công việc nội bộ Afghanistan, trong đó có sự can thiệp của Liên Xô và các động thái của Mỹ như triển khai quân đội ở Ấn Độ Dương, viện trợ cho Pakistan, hỗ trợ các lực lượng đối lập ở Afghanistan của Mỹ. Lập trường 4 điểm của Đại sứ Ấn Độ tại Liên hợp quốc B.Mishra ngày 12-1-1980 chỉ rõ: "*chúng tôi phản đối sự hiện diện của quân đội nước ngoài và các căn cứ quân sự tại bất kỳ quốc gia nào*" nhưng ông cũng khẳng định rằng:

"*Chính phủ Xô viết đã đảm bảo với chúng tôi rằng lực lượng quân sự gửi tới Afghanistan theo yêu cầu của chính phủ Afghanistan thứ nhất bởi Thủ tướng Amin từ 26-12-1979, và nhiều lần bởi người kế tục ông ấy từ 28-12-1979. Và hơn nữa chúng ta tin tưởng rằng quân đội Liên Xô sẽ rút quân khi có sự đề nghị của chính phủ hiện thời ở Afghanistan... hi vọng các lực lượng của Liên Xô sẽ không duy trì ở đây lâu hơn cần thiết*" (9). *Ấn Độ phản đối với các lực lượng dính líu đến cuộc xung đột gồm Mỹ, Trung Quốc và Pakistan, họ đã che chở và đào tạo các phần tử phản loạn Afghanistan, các quốc gia láng giềng nhỏ khác tích cực ủng hộ lực lượng lật đổ và các lực lượng hải quân đang tích cực hoạt động ở Ấn Độ Dương. Các hoạt động của họ đã đe doạ tới Ấn Độ* (10).

Ấn Độ đã bỏ phiếu trắng Nghị quyết lên án Liên Xô của Mỹ ở Đại hội đồng Liên hợp quốc, dù nghị quyết này có 104 phiếu ủng hộ, trong đó có nhiều quốc gia không liên kết, chỉ có 18 phiếu chống và 18 phiếu trắng (11). Từ khi I.Gandhi lên làm Thủ tướng, quan điểm của Ấn Độ là không có sự thay đổi nào dù có sự tác động liên tục từ phía Liên Xô qua các chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô A.Gromyko (12 đến 14-2-1980); Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Arkhipov (2-1980); Thứ trưởng Ngoại giao Liên Xô N.Firyubin (4-1980); Bộ Quốc phòng Ấn Độ (5-1980); Tổng bí thư Brezhnev 12-1980;... Thậm chí, Ấn Độ còn cố gắng thuyết phục Liên Xô rút quân bộ phận hoặc toàn diện trong các cuộc hội đàm giữa lãnh đạo hai nước suốt những năm 80.

Có thể thấy, quan điểm về vấn đề Afghanistan của chính phủ Ấn Độ không phải là một sự lúng túng hay nhân nhượng sau Hiệp ước 1971. Quan điểm này so với vấn đề Hunggari (1956), Tiệp Khắc (1968) cơ bản là giống nhau. Ấn Độ bỏ phiếu trắng tất cả các nghị quyết lên án Liên Xô từ vấn đề Hunggari, Tiệp Khắc, Afghanistan

nhưng cũng bày tỏ sự thái độ không đồng tình với Liên Xô về hành động can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. Tuy nhiên, mức độ phản ứng qua các sự kiện này của Ấn Độ có phần khác nhau. Trong vấn đề Hunggari năm 1956, Ấn Độ phản ứng không quá gay gắt, tập trung sự chú ý vào vấn đề quốc hữu hoá kênh đào Suez diễn ra cùng thời kỳ. Ấn Độ phản đối nghị quyết bầu cử dân chủ ở Hunggari dưới sự bảo trợ của Liên hợp quốc vì nó tạo tiền lệ xấu với vấn đề Kashmir. Đến năm 1968, phản ứng của Ấn Độ với vấn đề Tiệp Khắc có phần quyết liệt hơn do phe đối lập trong Đảng Quốc đại đang rất mạnh, trong khi Liên Xô tiếp tục xúc tiến viện trợ quân sự cho Pakistan. Đến vấn đề Afghanistan những năm 80, Ấn Độ phản ứng thận trọng và thực hiện nhiều hoạt động ngoại giao đa phương hơn nhằm một mặt chứng tỏ lập trường không ủng hộ hành động can thiệp của Liên Xô, mặt khác chấp nhận cố gắng phản ứng có chừng mực và hậu trường, linh hoạt nhằm mang lại lối thoát cho nước này. Bên cạnh đó, Ấn Độ lại phản đối quyết liệt sự viện trợ quân sự của Mỹ, Trung Quốc và các nước phương Tây cho Pakistan, đào tạo các lực lượng phiến loạn, đe doạ đến an ninh nước này. Từ năm 1981, Liên hợp quốc liên tục ra các nghị quyết yêu cầu Liên Xô rút quân, Ấn Độ vẫn luôn giữ lập trường không thay đổi: không ủng hộ sự có mặt của quân đội Liên Xô ở Afghanistan, bỏ phiếu trắng các nghị quyết chống Liên Xô nhưng lại thiên về lên án các hành động quân sự của Mỹ, Trung Quốc, Pakistan. Lập trường này góp phần làm giảm sức ép cho Liên Xô, tạo sự cân bằng nhất định trên bàn cờ chiến lược Nam Á.

Ấn Độ thực tế đã thành công trong việc duy trì chính sách không liên kết, đảm bảo lợi ích dân tộc, hạn chế những tác động mà Liên Xô mong muốn gây ảnh hưởng lên nước này. Sáng kiến thành lập Hệ thống an ninh tập thể châu Á được Liên Xô đưa ra từ năm 1969 nhưng chưa lúc nào nhận được thái độ nhiệt tình từ Ấn Độ. Từ năm 1969 đến 1985, Liên Xô đã nhiều lần đề cập đến vấn đề này nhưng Ấn Độ đều không ủng hộ. Dưới thời R.Gandhi và M.Gorbachev, ý tưởng thành lập Hội nghị an ninh châu Á và xây dựng lòng tin lẫn nhau theo kiểu an ninh châu Âu ở Hội nghị Hensinki năm 1975 được hai nước thống nhất, nhưng kết cục vẫn không thành hiện thực. Ấn Độ không mặn mà với sáng kiến này vì bản chất của nó là hình thành nên liên minh nhằm phục vụ những ý đồ chính trị - quân sự của Liên Xô, vi phạm nguyên tắc không liên kết. Mặt khác, hệ thống an ninh tập thể có sự tham gia của Liên Xô sẽ ảnh hưởng đến vị thế của Ấn Độ ở châu Á, làm xấu đi quan hệ Ấn - Trung đang trong quá trình bình thường hoá. Bên cạnh đó, Liên Xô cũng không thể thuyết phục Ấn Độ cho phép họ làm trung gian hoà giải "kiểu Tasken 1965" giữa Ấn Độ và Pakistan sau cuộc chiến tranh 1971. Liên Xô cũng không đạt được kết quả trong nỗ lực thuyết phục Ấn Độ ký Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) hoặc không phát triển vũ khí hạt nhân. Sự cố gắng của Liên Xô trong việc tác động lên Ấn Độ nhằm ngăn chặn bình thường hoá quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc sau năm 1971 kết cục cũng chỉ làm chậm quá trình ấy... Đây là những chủ trương lớn của Liên Xô trong Chiến tranh lạnh nhưng nước này đã không thành công trong việc lôi kéo Ấn Độ phục vụ ý đồ chiến lược của mình. Dù vậy, những bất đồng trong mối quan hệ Ấn Độ - Liên Xô ít hơn nhiều so với Mỹ. Đó không phải là do thành quả do Liên Xô tác động tới Ấn Độ, mà "*những điểm bất đồng thực sự giữa Ấn Độ và Mỹ chính là do nhận thức quốc tế của họ có nhiều điểm khác biệt*" (12).

Như vậy, xét ở góc độ các điểm nóng liên quan trực tiếp đến Liên Xô trước và sau hiệp ước năm 1971, Ấn Độ vẫn không thay đổi đường lối của mình, nghĩa là không hoàn toàn đứng về phía Liên Xô như khái niệm "*đồng minh*" mà phương Tây thường hay sử dụng. Ấn Độ không vi phạm những đường lối không liên kết trong cách ứng xử với các vấn đề có liên quan trực tiếp đến Liên Xô, nhưng thái độ của nước này cũng có phần "thiếu quyết liệt", "không tích cực" như những vấn đề khác. Thậm chí, cách hành xử "có phần nghiêng về phía Liên Xô" như các học giả phương Tây nhận xét cũng có cơ sở nhất định.

Tóm lại, nhận thức chính sách không liên kết của Ấn Độ sau Hiệp định Hoà bình, hữu nghị và hợp tác Ấn Độ - Liên Xô 1971, có thể thấy:

1. Quan hệ Ấn Độ - Liên Xô không vi phạm những nguyên tắc căn bản của đường lối không liên kết xét trên phương diện lý thuyết lẫn thực tiễn. Tuy nhiên, bản thân sự gắn bó mật thiết trong quan hệ hai nước đã tạo ra những ảnh hưởng nhất định về thái độ, phương thức hành xử của Ấn Độ đối với một số vấn đề khu vực và quốc tế. Sự ảnh hưởng ngấm ngầm hơn là hiện hữu, gián tiếp và lâu dài hơn là trực tiếp và ngay tức khắc, tinh thần và thái độ hơn là nguyên tắc pháp lý quốc tế. Đây không phải là sự thay đổi chính sách, mà là biểu hiện sự thừa nhận vai trò, vị trí của nhau vì lợi ích chung của hai nước. Điều này được học giả Robert Wesson nhận định: "*Cơ sở của quan hệ và quan điểm giữa Matxcơva và New Delhi dường như là sự nhận thức lẫn nhau đóng vai trò rất quan trọng trong mối quan hệ hơn là các biện pháp trừu tượng mà hai bên đưa ra nhằm tác động lẫn nhau*" (13).

2. Trong bối cảnh thế giới bị phân cực mạnh mẽ, việc một quốc gia lớn tham gia vào tích cực vào các hoạt động chính trị quốc tế như Ấn Độ giữ vững được nguyên tắc không liên kết, điều hoà nguyên tắc này phù hợp với lợi ích dân tộc và quốc tế là điều rất khó. Ấn Độ đã thành công trong việc điều hoà quan hệ với cả hai khối, không đẩy quan hệ của mình đi quá xa với cả Liên Xô và Mỹ - dù Hiệp ước 1971 có thể đã tạo cơ sở cho điều đó xảy ra trong quan hệ Ấn Độ - Liên Xô.

3. Thực tế, chỉ có thể xem xét chính sách không liên kết trên cơ sở lợi ích dân tộc Ấn Độ đan xen vào nhau, nhiều khi chính sách không liên kết là hiện thân của lợi ích dân tộc Ấn Độ trong mối quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là với Liên Xô. Như Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ N. Rao phát biểu: "*Ấn Độ không ủng hộ Mỹ cũng không ủng hộ Liên Xô, Ấn Độ ủng hộ Ấn Độ. Ấn Độ đứng trên lợi ích quốc gia của mình*" (14). Sự phát triển của quan hệ Ấn Độ - Liên Xô là hệ quả tất yếu của một quá trình tìm hiểu lẫn nhau từ năm 1947, từng bước có những nhận thức về lợi ích chiến lược song trùng trong bối cảnh Chiến tranh lạnh.

CHÚ THÍCH

(1). H.Rapur, *Ấn Độ có phải là một cường quốc?*, Thư viện quân đội sao lục, 1980, tr. 8.

(2). Đây là quan điểm của các học giả phương Tây như Peter Lyon, Morgenthou, H.F. Armtrong... Các nhà lãnh đạo Liên Xô trước năm 1953 như I.Stalin, E.Zhukov, M.Molotov cũng cho rằng đường lối không liên kết của Ấn Độ là "xoa dịu mâu thuẫn với các nước phương Tây". B.S.Gupta, *The fulcrum of Asia Relation Among China, India, Pakixtan an the USSR*, Pegasus, New

York, 1970, tr. 48.

(3), (14). N.Jayapalan, *Foreign Policy of India*, Publishers Atlantic& Distributors Ltd, Delhi, 2001, tr. 84, 101.

(4). Nguyễn Cảnh Huệ (1998), *Tìm hiểu tư tưởng hoà bình trong chính sách đối ngoại của nước Cộng hoà Ấn Độ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3-1998, tr. 62.

(5). *Indo - Soviet Treaty of Peace, Friendship and Cooperation, Shadow of the bear: The Indo - Soviet Treaty*, Published by Shri P.K.Deo, South Avenue Lance, New Delhi, India, 1971, tr. 189.

(6), (7). *Indo - Soviet Treaty of Peace, Friendship and Cooperation*, Sdd, tr. 189, 188.

(8). I.Gandhi, *Chân lý của tôi*, Nxb. Phụ Nữ, Hà Nội, 1987, tr. 185.

(9). R.C.Horn, *Soviet - Indian Relation: Issues and Influence*, Praeger Publishers, New York, 1982, tr. 182.

(10). S.R.Sharma (2003), *Indo-Soviet Relations 1972-1991, A Brief Survey* - Part II; Discovery Publishing House, Delhi, tr. 86.

(11). P.J.S.Ducan (1989), *The Soviet Union and India*, Council on foreign relations press, New York, tr. 45.

(12). R.C.Horn, sdd, tr. 214.

(13). R.C.Horn, sdd, tr. 213.

VUA LÝ ANH TÔNG, CHIẾN LƯỢC BIỂN...

(Tiếp theo trang 7)

(17). Theo sách *Đại Nam thực lục*, T.IV, Bản dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 1032-1033, thì vào năm 1836, nhân việc Tổng đốc Hải Yên Nguyễn Công Trứ đề nghị mở rộng thành Quảng Yên, Hộ phủ Lê Dục Đức tâu không nên tiếp tục ở lại Quảng Yên mà cần phải chuyển sang địa điểm mới thuộc huyện Thủy Đường (nay là Thủy Nguyên, Hải Phòng), vua Minh Mệnh giao cho Bộ Công xem xét lại việc này. Sau khi tính toán kỹ lưỡng một cách tổng thể, Bộ Công cho rằng: "Xây dựng thành trì, có quan hệ đến sự che chống ở biên cương. *Địa thế tỉnh thành Quảng Yên, trong có thể khống chế được cả hạt, ngoài có thể trấn áp được vùng hải cương*, thực là nơi hình thế đẹp. Lời của đốc thần có định kiến đấy". Bộ Công sau khi xác định vị trí không thể thay thế được của tỉnh thành Quảng Yên, đã khuyên vua Minh Mệnh không nên nghe theo lời tâu thiên kiến của Lê Dục Đức và vua Minh Mệnh đã y theo lời bàn của Bộ Công. Điều này góp phần lý giải tại sao từ rất sớm, các nhà nước phong kiến Việt Nam đều chọn Quảng Yên (mà cụ thể là khu vực tỉnh thành Quảng Yên) làm trung tâm trấn giữ vùng cửa sông Bạch Đằng và mở rộng ra toàn tuyến duyên hải, biển và hải đảo khu vực Đông Bắc.

(18). Thật ra đây cũng chỉ là tên gọi khác nhau của cùng một địa điểm. Tên lộ An Bang đã có từ thời Trần. Năm 1466, Lê Thánh Tông đặt An Bang thừa tuyên. Đến đời vua Lê Anh Tông mới đổi An Bang làm An Quảng và năm 1822, vua Minh Mệnh đổi An *(Yên)* Quảng thành Quảng Yên.